

Số: /2025/QĐ-UBND Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP về việc quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP về việc quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2025.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 37/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về cấp giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng và quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng và quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 37/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

c) Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định một số nội dung về phân cấp, trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

d) Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành “Quy định phân cấp thực hiện cấp giấy phép xây dựng và trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC, Bộ Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VP4.

Tudd_VP4_15QĐ.QPPL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

QUY ĐỊNH

Về giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định một số nội dung về giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Những nội dung khác liên quan đến giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Chương II

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

- Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng thuộc phạm vi khu vực các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh được giao quản lý.
- Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng từ cấp II trở lên, trừ các công trình do Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao tỉnh cấp giấy phép xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp III, IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 103 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP⁽¹⁾.

4. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp chậm nhất 05 ngày kể từ ngày ký trên trang thông tin điện tử của mình. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao tỉnh gửi thông tin Quyết định thu hồi giấy phép xây dựng cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để công bố công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định.

Điều 4. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với công trình, nhà ở riêng lẻ nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên

1. Công trình nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên:

a) Giao Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công trình có diện tích xây dựng trên địa bàn lớn hơn chủ trì thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại phối hợp trong quá trình thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng.

b) Trường hợp công trình có diện tích xây dựng trên địa bàn các xã (phường) bằng nhau thì chủ đầu tư gửi hồ sơ đến một trong các Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi có công trình, dự án để thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng theo quy định, các Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại phối hợp trong quá trình thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng.

2. Nhà ở riêng lẻ nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên:

a) Trường hợp Chủ đầu tư (*chủ hộ*) nhà ở riêng lẻ đã đăng ký thường trú ở một trong các xã (phường) nơi xây dựng nhà ở: Giao Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú chủ trì thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng, các Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại phối hợp trong quá trình thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng.

b) Trường hợp Chủ đầu tư (*chủ hộ*) nhà ở riêng lẻ chưa đăng ký thường trú ở một trong các xã (phường) nơi xây dựng nhà ở: Chủ đầu tư (*chủ hộ*) có thể gửi hồ sơ đến một trong các Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng nhà ở riêng lẻ để thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng theo quy định, các Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại phối hợp trong quá trình thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng.

⁽¹⁾ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 5. Quy mô, chiều cao và thời hạn tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô, chiều cao công trình, nhà ở riêng lẻ làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:

a) Công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ được cấp phép xây dựng có thời hạn có quy mô dưới 03 tầng hoặc có chiều cao dưới 12 m; tổng diện tích sàn dưới 500 m² đối với công trình xây dựng và tổng diện tích sàn dưới 250 m đối với nhà ở riêng lẻ;

b) Trường hợp công trình, nhà ở riêng lẻ sửa chữa, cải tạo: Quy mô sau khi sửa chữa cải tạo không vượt quá quy mô tại điểm a khoản 1 Điều này; trường hợp công trình, nhà ở riêng lẻ có quy mô hiện trạng lớn hơn quy mô xác định nêu tại điểm a khoản 1 Điều này thì được sửa chữa, cải tạo nhưng giữ nguyên quy mô hiện trạng;

c) Kết cấu công trình (*móng, tường, cột, dầm, sàn, mái*): Sử dụng kết cấu đơn giản, vật liệu nhẹ, dễ tháo dỡ;

2. Thời hạn tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ đối với giấy phép xây dựng có thời hạn: Từ khi công trình khởi công theo giấy phép xây dựng đến khi có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước để thực hiện quy hoạch xây dựng.

Chương III QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 6. Phân cấp quản lý trật tự xây dựng

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trật tự xây dựng đối với tất cả các công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn (*trừ công trình bí mật nhà nước*).

Điều 7. Thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng đối với công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cấp giấy phép xây dựng chủ trì thực hiện quản lý trật tự xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại phối hợp trong quá trình thực hiện.

Điều 8. Thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng đối với công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên không thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã và trường hợp được miễn giấy phép xây dựng

1. Đối với công trình xây dựng:

a) Giao Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công trình có diện tích xây dựng trên địa bàn lớn hơn chủ trì thực hiện quản lý trật tự xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại phối hợp trong quá trình thực hiện;

b) Trường hợp công trình có diện tích xây dựng trên địa bàn các xã (*phường*) bằng nhau, thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng được xác định theo địa chỉ lối vào chính của công trình.

2. Đối với nhà ở riêng lẻ:

a) Trường hợp Chủ đầu tư (*chủ hộ*) nhà ở riêng lẻ đã đăng ký thường trú ở một trong các xã (*phường*) nơi xây dựng nhà ở: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú chủ trì thực hiện quản lý trật tự xây dựng, các Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại phối hợp trong quá trình thực;

b) Trường hợp Chủ đầu tư (*chủ hộ*) nhà ở riêng lẻ chưa đăng ký thường trú ở một trong các xã (*phường*) nơi xây dựng nhà ở: Thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng được xác định theo địa chỉ lối vào chính của công trình nhà ở.

Điều 9. Phân cấp tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng

1. Sở Xây dựng tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng (*bao gồm cả trường hợp công trình thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng*).

2. Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc phạm vi khu vực các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh được giao quản lý (*bao gồm cả trường hợp công trình thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng*).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình (*bao gồm cả công trình do Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao cấp giấy phép, công trình thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng*), nhà ở riêng lẻ trên địa bàn.

4. Trường hợp công trình xây dựng được miễn phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 và điểm c, khoản 1 Điều 56 Luật đường sắt số 95/2025/QH15: Ngoài việc gửi thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến các cơ quan được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, Chủ đầu tư cần bổ sung thêm các tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 8 Điều 46 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP⁽²⁾.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

⁽²⁾ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

1. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức thực hiện cấp phép xây dựng theo phạm vi được phân cấp đảm bảo quy định của pháp luật.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 8 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng.

4. Thực hiện kiểm tra trật tự xây dựng theo quy định pháp luật đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh (*nếu cần thiết*) hoặc trường hợp đột xuất hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chủ trì và phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra việc thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng; đình chỉ xây dựng, thu hồi giấy phép xây dựng theo thẩm quyền khi chủ đầu tư xây dựng công trình vi phạm nghiêm trọng.

6. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khi được phân công.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện cấp phép xây dựng theo phạm vi được phân cấp đảm bảo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo phân cấp.

2. Chỉ đạo các phòng chuyên môn trực thuộc phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

3. Thường xuyên tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời khi phát sinh hành vi vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

4. Thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Giám sát việc dừng thi công, áp dụng các biện pháp cần thiết buộc dừng thi công theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định xử

phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khi được phân công.

Điều 12. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao

1. Tổ chức cấp phép xây dựng theo phạm vi được phân cấp đảm bảo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ thuộc phạm vi khu vực các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh được giao quản lý.

3. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hoạt động xây dựng, việc thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng; báo cáo, thông tin kịp thời các hành vi vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn được giao quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc dừng thi công xây dựng, xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo quy định.

4. Chủ trì và phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra việc thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng; đình chỉ xây dựng, thu hồi giấy phép xây dựng theo thẩm quyền khi chủ đầu tư xây dựng công trình vi phạm nghiêm trọng.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khi được phân công.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan Công an

1. Khi chính quyền địa phương có chủ trương tiến hành cưỡng chế công trình vi phạm, lực lượng Công an cùng cấp phải rà soát, đánh giá tình hình an ninh trật tự tại địa bàn sẽ bị tác động bởi việc cưỡng chế; phối hợp với cơ quan chức năng rà soát, đánh giá các căn cứ, thủ tục pháp lý làm cơ sở để chính quyền ban hành quyết định cưỡng chế.

2. Xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự khi cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức tiến hành cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng.

3. Duy trì đảm bảo an ninh trật tự và khắc phục hậu quả xảy ra (nếu có) sau khi thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng.

4. Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và tổ chức điều tra, xử lý các hành vi chống người thi hành công vụ, vi phạm trật tự xây dựng có dấu hiệu của tội phạm.

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật nếu để công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật.

2. Kịp thời phát hiện, phối hợp, cung cấp thông tin tài liệu, tham gia ý kiến trong việc xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị do pháp luật quy định và do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác được giao quản lý các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trong phạm vi dự án, công trình được giao quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có có liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính; theo dõi, giám sát việc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ban hành.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Nghiêm chỉnh chấp hành Quy định này và các quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Công khai nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp tại địa điểm thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công xây dựng để tổ chức, cá nhân theo dõi và giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện đúng nội dung của giấy phép xây dựng.

3. Chỉ khởi công xây dựng công trình khi đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 39 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14. Trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất 03 ngày làm việc (*không tính ngày nghỉ*), phải gửi thông báo về ngày khởi công đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Chấp hành các nội dung kiểm tra của chính quyền, cơ quan quản lý về trật tự xây dựng.

4. Chấp hành các quyết định, kiến nghị xử lý của cơ quan quản lý về xây dựng khi có hành vi vi phạm trật tự xây dựng.

5. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra hậu quả nghiêm trọng.

6. Chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc đột xuất về tình hình khởi công công trình thuộc phạm vi quản lý, công tác cấp giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn và gửi về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng; ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo hàng năm.

2. Sở Xây dựng tổng hợp và báo cáo định kỳ 6 tháng, báo cáo hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, yêu cầu của Bộ Xây dựng.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phổ biến, công khai Quy định này trên trang thông tin điện tử của mình và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời./.